

**Biểu 02: KẾT QUẢ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THIẾT YẾU CÁC KHU SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
ĐỐI VỚI 10 BẢN ĐƯỢC CÁC CHI ĐẢNG BỘ TRỰC THUỘC THÀNH PHỐ GIÚP ĐỠ NĂM 2023**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2023 của BND thành phố Lai Châu)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục công trình	Tổng mức đầu tư	Thời gian KC - HT	Quy mô	Kế hoạch vốn năm 2023	Tiến độ thực hiện
I	Xã Sùng Phài	20.283	-	-	13.663	
1	<i>Bản Gia Khâu 1</i>	3.500			2.295	
-	Sửa chữa, nâng cấp thủy lợi Suối Thầu, xã Sùng Phài	3.500	2023	Kiên cố 1,3km kênh	2.295	Đạt 100% khối lượng
2	<i>Bản Cư Nhà La</i>	7.960			6.536	
-	Sửa chữa, nâng cấp thủy lợi bản Cư Nhà La, xã Sùng Phài	6.000	2023	Kiên cố 2,75km kênh	4.081	Đạt 100% khối lượng
-	Đường nội đồng vùng chè xã Sùng Phài	1.960	2023	Kiên cố 2,8km đường	1.960	Đạt 100% khối lượng
-	Đường nội đồng bản Cư Nhà La	1.890	2022 -2023	Kiên cố 1,6 km đường	495	Đạt 100% khối lượng
3	<i>Bản Sin Chải</i>	5.888			3.783	
-	Đường nội đồng bản Sin Chải	2.748	2023 -2024	Kiên cố 1,2 km đường	2.393	Đạt 100% khối lượng
-	Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Sin Chải	3.140	2022 -2023	Đường GTNT C: chiều dài L=1,8km, rãnh thoát nước L=500m	1.390	Đạt 100% khối lượng
4	<i>Bản Tả Chải, Trung Chải</i>	2.935			1.049	
-	Nâng cấp nước sinh hoạt các hộ bản Tả Chải, Trung Chải	2.935	2022-2023	Cấp nước sinh hoạt cho 109 hộ	1.049	Đạt 100% khối lượng
TỔNG		20.283			13.663	

BIỂU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI XÃ SÙNG PHÀI NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND thành phố Lai Châu)

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu của tỉnh	ĐVT	Thực trạng			
					Kết quả đánh giá	Tỷ lệ đạt (%)	KQ đánh giá chỉ tiêu	Kết quả đánh giá
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021-2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt	Đạt		Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt		Đạt	
	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	Km	48,8/48,8km đạt 100%	100%	Đạt	Đạt
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥80%	Km	23,4/29,25km đạt 80%	80,0%	Đạt	
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	100% (≥80% cứng hóa)	Km	7,96/15,3km đạt 52%	52,0%	Đạt	
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	100% (≥50% cứng hóa)	Km	12,2/15,8km	77,2%	Đạt	
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	≥85%	Ha	1379,72/1623,2ha	85,0%	Đạt	Đạt
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Đạt	Thành lập Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai xã, có quy chế và phân công nhiệm vụ từng thành viên, thành lập đội xung kích, xây dựng kế hoạch thực hiện. chuẩn bị đầy đủ nhân, vật lực Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Đạt	
		4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Các công trình hệ thống điện trung thế liên xã đầu tư trên địa bàn theo quy hoạch, đảm bảo cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn và đảm bảo nhu cầu sử dụng điện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo hướng dẫn thực hiện của Bộ Công Thương	Đạt	Đạt	

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu của tỉnh	ĐVT	Thực trạng			
					Kết quả đánh giá	Tỷ lệ đạt (%)	KQ đánh giá chỉ tiêu	Kết quả đánh giá
4	Điện	4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn (≥95%)	≥95% hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	Hộ	943/992 hộ đạt 95,06%	95,06%	Đạt	Đạt
5	Trường học	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định		Số trường				Đạt
		a. xã có hơn 3 trường	100% đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu trong đó ≥70% đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1	Số trường	có 4/5 trường có cơ sở vật chất đạt chuẩn, đạt 80% (02 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, 01 trường đề nghị đạt chuẩn vào năm 2023), 01 trường THCS Sùng Phài được đầu tư xây dựng năm 2022	80%	Đạt	
		b. Xã có từ 3 trường trở xuống	100% đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu trong đó ≥50% đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1	Số trường				
6	CSVC Văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa, hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt	Đạt	Hiện xã có nhà văn hóa, sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt	Đạt	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt	Đạt	Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt	Đạt	
		6.3. Tỷ lệ bản có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng (100%)	100%	Nhà	Xã có 13/13 nhà văn hóa	100,0%	Đạt	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	Đạt	Chưa có công trình chợ, siêu thị mini hoặc cửa hàng tiện lợi, tuy nhiên, xã có các cửa hàng kinh doanh tổng hợp đảm bảo theo Quyết định số 1214/QĐ-BCT ngày 22/6/2022 của Bộ Công thương	Đạt	Đạt	Đạt
		8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Đạt	Xã có 01 điểm phục vụ bưu chính theo Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022	Đạt	Đạt	

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu của tỉnh	ĐVT	Thực trạng			
					Kết quả đánh giá	Tỷ lệ đạt (%)	KQ đánh giá chỉ tiêu	Kết quả đánh giá
8	Thông tin và truyền thông	8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt	Đạt	Dịch vụ viễn thông và internet đã được phủ sóng đến tất cả các bản	Đạt	Đạt	Đạt
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt	Đạt	Hiện xã đã có trạm phát thanh; có 18 cụm loa; 13/13 bản có hệ thống loa truyền thanh hoạt động thường xuyên	Đạt	Đạt	
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành	Đạt	Đạt	Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành đảm bảo theo đúng hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông	Đạt	Đạt	
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Nhà	20/992 nhà chiếm 2,01%	2,01%	Đạt	Đạt
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	≥80%	Hộ	969/992 hộ đạt 97,68%	97,68%	Đạt	
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người	(Năm 2021: 36 triệu đồng; năm 2022: 39 triệu đồng; năm 2023: 42 triệu đồng; năm 2024: 45 triệu đồng; năm 2025: 48 triệu đồng/người/năm)	Triệu đồng	37 triệu đồng	Không đạt	Không đạt	Không đạt
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025	<13%	Hộ	15,68%	15,68%	Đạt	Đạt
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥70%	Lao động	73,20%	73,20%	Đạt	Đạt
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng cho cả nam và nữ)	≥20%	Lao động	73,20%	73,20%	Đạt	
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động có hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã	Đạt	Đạt	Xã có 04 HTX hoạt động hiệu quả theo đúng quy định của Luật HTX	Đạt	Đạt	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Đạt	Xã có mô hình liên kết sản xuất chế biến chè	Đạt	Đạt	
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Đạt	Đạt	xã Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Đạt	Đạt	

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu của tỉnh	ĐVT	Thực trạng			
					Kết quả đánh giá	Tỷ lệ đạt (%)	KQ đánh giá chỉ tiêu	Kết quả đánh giá
	nông thôn	13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt	Trên địa bàn xã có 01 nghề truyền thống (nghề nấu rượu) đã được tỉnh công nhận	Đạt	Đạt	
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Đạt	Đạt	Chưa có	Đạt	Đạt	
14	Giáo dục và đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ.	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ dưới 5 tuổi	Đạt	Đã đạt PCGDMN cho trẻ 5 tuổi; PCGDTH mức độ 3; PCGDTHCS mức độ 3; xóa mù chữ mức độ 1	Không đạt	Không đạt	Chưa đạt
			Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2					
Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 $\geq 98\%$								
Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2								
Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2								
Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại								
14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (Phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	$\geq 70\%$	%	Năm học 2020-2021, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học THPT đạt 71,2%	71,2%	Đạt			

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu của tỉnh	ĐVT	Thực trạng			
					Kết quả đánh giá	Tỷ lệ đạt (%)	KQ đánh giá chỉ tiêu	Kết quả đánh giá
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm Y tế	≥90%	Người	4494/4540 người đạt 99%	99,0%	Đạt	Đạt
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤24%	Trẻ	105/522 trẻ chiếm 20,22%	20,22%	Đạt	
		15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	≥50%	Người	93,90%	93,90%	Đạt	
16	Văn hóa	Tỷ lệ bản đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới	≥75%	Bản	13/13 bản đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định, hiện đang xây dựng kế hoạch đạt 100%	100%	Đạt	Đạt
Môi trường		17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	≥30% (≥10% từ hệ thống cấp nước tập trung)	Hộ	526/992 hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn, đa số các bản đã được đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung đạt 53%	53,0%	Đạt	
		17.2. Cơ sở sản xuất - kinh doanh nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	≥90%	Cơ sở, làng nghề	Hầu hết các cơ sở kinh doanh trên địa bàn xã đều là quy mô nhỏ, hộ gia đình, chấp hành đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường, có 2 cơ sở khai thác khoáng sản đã được UBND tỉnh phê duyệt hồ sơ đánh giá tác động môi trường theo quy định	100,0%	Đạt	
		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt	Đạt	Cảnh quan, không gian một số điểm chưa đảm bảo xanh - sạch - đẹp; hệ thống rãnh thoát nước sinh hoạt một số khu tập trung dân cư bằng rãnh đất, vẫn có tình trạng nước thải tồn đọng	Chưa đạt	Chưa đạt	
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥2 m2/người		3,97m2/người	Đạt	Đạt	
		17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định	Đạt	Đạt	
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥70%	Đạt	12 bản có tổ vệ sinh tự quản, các tuyến đường chính được thu gom rác hàng ngày, tuyến đường vào bản Gia Khâu, Cư Nhà La, ngã ba Trung Chải lấy định kỳ 2 lần/tuần đạt 92%	92%	đạt	

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu của tỉnh	ĐVT	Thực trạng			
					Kết quả đánh giá	Tỷ lệ đạt (%)	KQ đánh giá chỉ tiêu	Kết quả đánh giá
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	100%	Đạt	Chất thải rắn y tế tại các trạm y tế được thu gom theo quy định của ngành y tế, bao gói thuốc BVTV sau sử dụng được thu gom xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt	Không đạt
		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥70%	Hộ	696/992 hộ đạt 70,2%	70,2%	Đạt	
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥60%	Hộ	513/752 hộ đạt 68,2%	68,2%	Đạt	
		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	Hộ	42/42 hộ đạt 100%	100%	Đạt	
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥30%	Hộ	Việc triển khai phân loại rác thải tại nguồn còn nhiều khó khăn, do quy trình thu gom, vận chuyển, xử lý trên địa bàn xã hiện nay vẫn thực hiện chung với các loại rác thải; toàn bộ lượng rác sinh hoạt đều xử lý bằng phương pháp chôn lấp; ngoài ra việc hình thành ý thức phân loại rác trong Nhân dân cần nhiều thời gian, bên cạnh đó phải có chế tài xử lý trường hợp không phân loại mới đem lại hiệu quả.		Chưa đạt	
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥30%		Do việc phân loại rác thải tại nguồn chưa thực hiện, do đó việc thu gom, xử lý, tái sử dụng chất thải nhựa phát sinh chưa được xử lý	Chưa đạt	Chưa đạt	
18	Hệ thống TCCTXH	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt	xã có 23/23 cán bộ, công chức đạt chuẩn theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Hàng năm Đảng bộ, chính quyền xã được đánh giá “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên	Đạt	Đạt	
		18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (100%)	100%	Đạt	Các đoàn thể chính trị - xã hội của xã hàng năm đều được các tổ chức đoàn thể thành phố công nhận “hoàn thành tốt nhiệm vụ”.	Đạt	Đạt	
		18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Năm 2020 xã được xếp loại xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Đạt	Đạt	

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu của tỉnh	ĐVT	Thực trạng			
					Kết quả đánh giá	Tỷ lệ đạt (%)	KQ đánh giá chỉ tiêu	Kết quả đánh giá
		18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Có 01 nữ lãnh đạo giữ chức vụ chủ tịch UBND xã; công tác bình đẳng giới được xã quan tâm tuyên truyền tại các hội nghị	Đạt	Đạt	
		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn	Đạt	Đạt	Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân	Đạt	Đạt	
19	An ninh, trật tự	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt	Duy trì đảm bảo thường xuyên trực ban, trực sẵn sàng chiến đấu, triển khai làm nhiệm vụ bảo vệ, canh gác trước, trong, sau các ngày lễ, tết; quản lý tốt vũ khí, quân trang theo quy định; củng cố lực lượng dân quân, quản lý lực lượng dự bị động viên; công tác tuyển quân năm 2021 là 8/8 công dân đạt 100% kế hoạch giao.	Đạt	Đạt	Không đạt
		19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giám so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Đạt	trên địa bàn xã không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế, khiếu kiện đông người kéo dài; trong những năm qua các bản ổn định, không còn hộ du cư, di cư tự do ra khỏi địa bàn; không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội; có 13/13 bản, chiếm 100% số bản được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự; hàng năm Công an xã đều được công nhận danh hiệu đơn vị tiên tiến. Có "mô hình móc khóa an ninh tiếp cận tin báo tố giác tội phạm"	Đạt	Không đạt	